

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG PẮC
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 28/2023/HNGĐ – ST

Ngày 27/4/2023.

V/v: Xin ly hôn và nuôi con chung

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PẮC

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán -Chủ tọa phiên tòa: Bà H'Năm Bkrông.

Các Hội thẩm nhân dân:

1.Ông Lý Viết Chấn.

2.Bà Nguyễn Thị Lan.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Hòa Bình – Thư ký Toà án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thuỷ –Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 4 năm 2023, tại Toà án nhân dân huyện Krông Pắc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 456/2022/TLST-DS ngày 18/10/2022, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2023/QĐXX – HNGĐ ngày 27/3/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2023/QĐST-DS ngày 12/4/2023 giữa các đương sự :

1.Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Tuyết L, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Thôn N, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt).

2.Bị đơn: Anh Trương Minh H, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Thôn N, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

1.Trong bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Tuyết L trình bày:

-Về quan hệ hôn nhân: Tôi và anh Trương Minh H có tình cảm, yêu thương nhau và đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 27/10/1998 trên cơ sở tự nguyện. Chúng tôi chung sống hạnh phúc được một thời gian, sinh được 02 con chung, đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính cách, quan điểm sống không hợp nhau nên chúng tôi thường xuyên xảy ra cãi vã. Do tôi và anh H không còn tình cảm với nhau, không thể tiếp tục duy trì được mối quan hệ hôn nhân

nên chúng tôi đã sống ly thân từ năm 2012. Vì vậy tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Trương Minh H.

-Về con chung: Trong quá trình chung sống chúng tôi có 02 con chung là cháu Trương Minh H, sinh ngày 12/12/2000 và cháu Trương Minh H1, sinh ngày 15/3/2012. Tôi có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu Trương Minh H cho đến khi cháu trưởng thành. Còn cháu Trương Minh H đã trưởng thành nên tôi tôn trọng cuộc sống tự lập của cháu.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

-Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Bị đơn anh Trương Minh H vắng mặt trong quá trình tố tụng.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và nội dung vụ án:

-Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử thẩm phán chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn chưa chấp hành đúng theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

-Về nội dung vụ án:

+Đối với quan hệ hôn nhân: Căn cứ và các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa ngày hôm nay có thể xác định tình trạng hôn nhân của chị Nguyễn Thị Tuyết L và anh Trương Minh H mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không thể đạt được, chị Nguyễn Thị Tuyết L và anh Trương Minh H đã sống ly thân từ năm 2012 đến nay. Do đó, có cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Tuyết L.

+Đối với con chung: Vợ chồng chị L, anh H có 02 con chung là cháu Trương Minh H, sinh ngày 12/12/2000 và cháu Trương Minh H1, sinh ngày 15/3/2012, quá trình giải quyết vụ án chị Nguyễn Thị Tuyết L có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu Trương Minh H do hiện nay cháu đang cùng sống với mẹ và đang được chị L trực tiếp chăm sóc, còn cháu Trương Minh H, sinh ngày 12/12/2000 đã trưởng thành nên chị L không yêu cầu xem xét, giải quyết. Xét thấy nguyện vọng của chị L là chính đáng, đảm bảo cho sự phát triển của con, phù hợp với quy định của pháp luật, vì vậy căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, giao cháu Trương Minh H1, sinh ngày 15/3/2012 cho chị Nguyễn Thị Tuyết L nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ tuổi trưởng thành là phù hợp với quy định của pháp luật. Còn cháu Trương Minh H đã trưởng thành nên không đặt ra để giải quyết.

+Về cấp dưỡng nuôi con: Nguyên đơn không yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết.

+Đối với tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết.

Từ những nhận định nêu trên,

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2014.

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Tuyết L được ly hôn với anh Trương Minh H.

Về con chung: Giao cháu Trương Minh H1, sinh ngày 15/3/2012 cho chị Nguyễn Thị Tuyết L nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Còn cháu Trương Minh H, sinh ngày 12/12/2000 đã trưởng thành nên không xem xét, giải quyết

Về cấp dưỡng nuôi con: Nguyên đơn không yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, xem xét ý kiến của nguyên đơn, bị đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. Về quan hệ pháp luật: Quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự và loại tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về trình tự thủ tục tố tụng: Xét thấy bị đơn anh Trương Minh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, vì vậy Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Tuyết L và anh Trương Minh H có tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 27/10/1998, đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Quá trình chung sống, vợ chồng có 02 con chung là cháu Trương Minh H, sinh ngày 12/12/2000 và cháu Trương Minh H1, sinh ngày 15/3/2012. Sau một thời gian chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do quan điểm sống bất đồng nên anh chị đã sống ly thân từ năm 2012 đến nay. Quá trình giải quyết vụ án, chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn và đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn.

Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn giữa chị Nguyễn Thị Tuyết L và anh Trương Minh H đã đến mức trầm trọng, trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, mâu thuẫn trầm trọng do bất đồng quan điểm, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2012 cho đến nay và không có biện pháp hàn gắn hạnh phúc gia đình, chị L xác định tình cảm không còn và kiên quyết xin ly hôn. Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Tuyết L và anh Trương Minh H không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị Tuyết L, cho chị Nguyễn Thị Tuyết L được ly hôn với anh Trương Minh H.

- Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng chị L và anh H có 02 con chung là cháu Trương Minh H, sinh ngày 12/12/2000 và cháu Trương Minh H1, sinh ngày 15/3/2012. Hiện nay các con đang sống cùng mẹ, chị L có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trương Minh H cho đến khi con đủ 18 tuổi. Xét thấy việc giao con

chung cho chị L nuôi dưỡng là đảm bảo cho sự phát triển của con, nguyện vọng của chị L là chính đáng, để đảm bảo quyền lợi cho con chung, quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Trương Minh H vắng mặt nên không thể xem xét nguyện vọng của anh về con chung của anh H, vì vậy cần giao cháu Trương Minh H1, sinh ngày 15/3/2012 cho chị Nguyễn Thị Tuyết L nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Còn cháu Trương Minh H, sinh ngày 12/12/2000, hiện nay đã đủ tuổi trưởng thành, việc lựa chọn sống cùng ai là theo nguyện vọng của cháu, Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

Anh Trương Minh H được quyền qua lại thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai có quyền cản trở. Tuy nhiên anh H không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có quyền thay đổi việc nuôi con chung và cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung.

-Về cấp dưỡng nuôi con chung: Nguyên đơn không yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết.

-Về yêu cầu chia tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết.

[4]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Tuyết L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5]. Xét thấy ý kiến quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát là hoàn toàn có căn cứ và đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 220, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, 82 , 83 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2014.

Áp dụng nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Tuyết L.

-Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Tuyết L được ly hôn với anh Trương Minh H.

-Về con chung: Chị Nguyễn Thị Tuyết L và anh Trương Minh H có 02 con chung là cháu Trương Minh H, sinh ngày 12/12/2000 và cháu Trương Minh H1, sinh ngày 15/3/2012.

Giao cháu Trương Minh H1, sinh ngày 15/3/2012 cho chị Nguyễn Thị Tuyết L nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Anh Trương Minh H được quyền qua lại thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai có quyền cản trở. Tuy nhiên anh H không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có quyền thay đổi việc nuôi con chung và cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung.

Cháu Trương Minh H, sinh ngày 12/12/2000 hiện nay đã đủ tuổi trưởng thành nên không đặt ra đề giải quyết

-Về cấp dưỡng nuôi con chung: Nguyên đơn không yêu cầu nên không đặt ra đề giải quyết.

-Về yêu cầu chia tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu nên không đặt ra đề giải quyết.

2. Về án phí:

Chị Nguyễn Thị Tuyết L phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2021/0016537 ngày 18/10/2022 (do chị Võ Thị H nộp thay) tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

***Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- UBND xã H, huyện K;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

H' Năm Bkrông

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

H'Năm Bkrông

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Xuân Vinh Trịnh Thị Oanh

H'Năm Bkrông

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

H'Năm Bkrông

***Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Tp. BMT;
- Chi cục THADS Tp.BMT;
- UBND xã Long Thạnh
H.Giồng Riềng, Kiên Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

H' Năm Bkrông